

QUYẾT ĐỊNH

Gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm thép dài nhập khẩu

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Quyết định số 2968/QĐ-BCT ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-BCT ngày 09 tháng 2 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 2968/QĐ-BCT ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 1726/QĐ-BCT ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 918/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2957/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 918/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Quyết định số 1726/QĐ-BCT ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;



Căn cứ Quyết định số 2323/QĐ-BCT ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm thép dài có mã HS: 7213.10.10; 7213.10.90; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.10; 7227.90.90; 7228.30.10; và 9811.00.10 được dẫn chiếu tới mã HS 7227.90.10; 7227.90.90; 7228.30.10 nhập khẩu vào Việt Nam với nội dung chi tiết nêu trong Thông báo gửi kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Không gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép có mã HS: 7207.11.00; 7207.19.00; 7207.20.29; 7207.20.99; 7224.90.00; và 9811.00.10 được dẫn chiếu tới mã HS 7224.90.00.

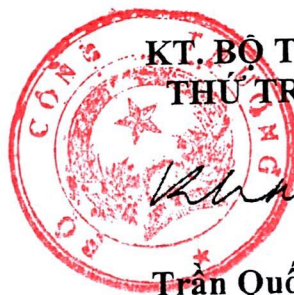
Điều 3. Trình tự thủ tục áp dụng biện pháp tự vệ gia hạn được thực hiện theo pháp luật về phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 3 năm 2023.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và Thủ trưởng các đơn vị, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ : TC, NG, TTTT;
- Tổng cục Hải quan;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Website : Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Các Vụ: PC, KHCN;
- Cục: XNK; CN;
- Văn phòng BCĐLN HNQT về Kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM (04).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Khánh

Trần Quốc Khánh



THÔNG BÁO

**về việc gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm
thép dài nhập khẩu**

*(Kèm theo Quyết định số 691/QĐ-BCT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017 và Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương thông báo nội dung chi tiết về việc gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm thép dài nhập khẩu vào Việt Nam (mã số vụ việc ER02.SG04) như sau:

1. Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng biện pháp tự vệ

Hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng biện pháp tự vệ bao gồm các sản phẩm thép dài hợp kim và không hợp kim (bao gồm thép cuộn và thép thanh) nhập khẩu vào Việt Nam, có mã HS 7213.10.10; 7213.10.90; 7213.91.20; 7214.20.31; 7214.20.41; 7227.90.10; 7227.90.90; 7228.30.10; 9811.00.10.

Đối với mã HS 9811.00.10, biện pháp tự vệ chỉ áp dụng đối với hàng nhập khẩu được dẫn chiếu đến các mã HS gốc là: 7227.90.10; 7227.90.90; 7228.30.10 và không áp dụng với hàng nhập khẩu được dẫn chiếu đến các mã HS gốc còn lại.

Các sản phẩm thép dài có một trong các đặc điểm sau đây được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng biện pháp tự vệ:

- (1) Thép thanh tròn trơn, đường kính danh nghĩa lớn hơn 14 mm;
- (2) Thép chứa một trong các nguyên tố chứa hàm lượng phần trăm (%) thuộc phạm vi sau: C > 0,37%; Si > 0,60%; Cr > 0,60%; Ni > 0,60%; Cu > 0,60%;
- (3) Thép dây hợp kim có mã HS 7227.90.10; 7227.90.90 dùng sản xuất que hàn (vật liệu hàn).

Đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu mặt hàng thép dài thuộc mục (1), (2), để được loại trừ khỏi phạm vi áp dụng biện pháp tự vệ, khi nhập khẩu hàng

hóa cần cung cấp cho cơ quan hải quan các giấy tờ phù hợp để chứng minh hàng hóa nhập khẩu thỏa mãn các tiêu chí được miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ như trên.

Đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu mặt hàng thép dây thuộc mục (3), đề nghị xem Điều 4 của Thông báo này để tiến hành các thủ tục miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ nêu trên.

2. Mức thuế và thời gian gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ

Thời gian có hiệu lực	Mức thuế tự vệ đối với thép dài
Từ ngày 22/3/2023 đến ngày 21/3/2024	6,3%
Từ ngày 22/3/2024 đến ngày 21/3/2025	6,2%
Từ ngày 22/3/2025 đến ngày 21/3/2026	6,1%
Từ ngày 22/3/2026 trở đi	0%

3. Danh sách các nước/vùng lãnh thổ có lượng nhập khẩu không đáng kể được loại trừ áp dụng biện pháp tự vệ

Danh sách các nước/vùng lãnh thổ đang phát triển được loại trừ áp dụng biện pháp tự vệ được liệt kê tại Phụ lục kèm theo Thông báo này. Trong trường hợp lượng nhập khẩu từ một nước/vùng lãnh thổ đang phát triển tại Phụ lục này vượt quá 3% tổng lượng nhập khẩu của Việt Nam hoặc tổng lượng nhập khẩu từ các nước/vùng lãnh thổ đang phát triển trong danh sách nêu trên vượt quá 9% tổng lượng nhập khẩu của Việt Nam, Bộ Công Thương sẽ ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung Phụ lục này.

Đối với các tổ chức, cá nhân nhập khẩu, để được loại trừ áp dụng biện pháp tự vệ theo quy định nêu trên, bên cạnh các giấy tờ theo quy định của các cơ quan hải quan và cơ quan chuyên ngành, khi nhập khẩu hàng hoá cần phải cung cấp cho cơ quan hải quan giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin) phù hợp với các quy định hiện hành, trên đó ghi rõ hàng hoá nhập khẩu có xuất xứ từ các nước/vùng lãnh thổ có tên trong danh sách tại Phụ lục của Thông báo này.

4. Miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ

Trong trường hợp các tổ chức, cá nhân nhập khẩu cho rằng sản phẩm nhập khẩu của mình đáp ứng quy định về phạm vi miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại nêu tại mục (3) Điều 1 Thông báo này và Điều 10 Thông tư

37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại, tổ chức, cá nhân nhập khẩu có quyền nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp tự vệ tới Cục Phòng vệ thương mại - Bộ Công Thương. Thủ tục nộp hồ sơ đề nghị miễn trừ căn cứ Thông tư 37/2019/TT-BCT.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Thông báo đi kèm Quyết định số 691/QĐ-BCT
ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

**DANH SÁCH CÁC QUỐC GIA/VÙNG LÃNH THỔ ĐANG PHÁT TRIỂN
ĐƯỢC LOẠI TRỪ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TỰ VỆ**

1. Tiểu vùng Sahara - Châu Phi

Angola	Madagascar	Nigeria
Benin	Malawi	Rwanda
Botswana	Mali	Sao Tome and Principe
Burkina Faso	Mauritania	Senegal
Burundi	Mauritius	Sierra Leone
Cabo Verde	Mozambique	Somalia
Cameroon	Namibia	South Africa
Central African Republic	Niger	South Sudan
Chad	Gabon	Sudan
Comoros	Gambia, The	Swaziland
Congo, Dem. Rep.	Ghana	Tanzania
Congo, Rep.	Guinea	Togo
Cote d'Ivoire	Guinea-Bissau	Uganda
Eritrea	Kenya	Zambia
Ethiopia	Lesotho	Zimbabwe
	Liberia	

2. Châu Á - Thái Bình Dương

American Samoa	Myanmar
----------------	---------

Cambodia	Palau
Fiji	Papua New Guinea
Kiribati	Philippines
Korea, Dem. Rep.	Samoa
Lao PDR	Solomon Islands
Marshall Islands	Timor-Leste
Micronesia, Fed. Sts.	Tonga
Mongolia	Tuvalu
Malaysia	Vanuatu
Thailand	Indonesia

3. Châu Âu và Trung Á

Albania	Macedonia, FYR
Armenia	Moldova
Azerbaijan	Montenegro
Belarus	Romania
Bosnia and Herzegovina	Serbia
Bulgaria	Tajikistan
Georgia	Turkey
Kazakhstan	Turkmenistan
Kosovo	Ukraine
Kyrgyz Republic	Uzbekistan

4. Mỹ La-tinh và Ca-ri-bê

Belize	Guyana
Bolivia	Haiti
Brazil	Honduras
Colombia	Jamaica
Costa Rica	Mexico
Cuba	Nicaragua
Dominica	Panama
Dominican Republic	Paraguay
Ecuador	Peru
El Salvador	St. Lucia
Grenada	St. Vincent and the Grenadines
Guatemala	Suriname

5. Trung Đông và Bắc Phi

Algeria	Libya
Djibouti	Morocco
Egypt, Arab Rep.	Syrian Arab Republic
Iran, Islamic Rep.	Tunisia
Iraq	West Bank and Gaza
Jordan	Yemen, Rep.
Lebanon	

6. Nam Á

Afghanistan	Maldives
-------------	----------



Bangladesh	Nepal
Bhutan	Pakistan
India	Sri Lanka
